

HOSE 18/08/2014

VNINDEX	605.08	0.84	0.14%
KLGD	139,413,025	CP	
GTGD	3,939.35	Tỷ	
GTR NDTNN	-	35.49	Tỷ

CP Tăng giá	124	CP
CP Giảm giá	87	CP
CP Đứng giá	93	CP



Tâm điểm

- ▶ **Dòng tiền nội tích cực, cả hai sàn tăng điểm**
- ▶ **Thanh khoản tăng mạnh trên cả hai sàn**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 4,866 tỷ đồng.
- ▶ **Xuất khẩu sản phẩm gỗ chuẩn bị đạt ngưỡng**
Trong thời gian tới, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ sẽ sớm đạt mức 10 tỷ
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **Ngân hàng ở Eurozone dự kiến vay ECB 250 tỷ euro**
Động thái này nhằm thúc đẩy hoạt động cho vay đối với các doanh nghiệp khát vốn
DVO/FT
- ▶ **Dòng vốn rút khỏi thị trường trái phiếu Mỹ tăng kỷ lục**
Tháng 6, giới đầu tư đã rút ròng 153.5 tỷ USD ra khỏi các quỹ trái phiếu và tín phiếu
DVO/Bloomberg
- ▶ **BID: Lãi quý 2 bằng nửa cùng kỳ năm trước**
Lợi nhuận quý 2/2014 của Ngân hàng này chỉ đạt 427 tỷ đồng
Diễn đàn Đầu tư
- ▶ **KDH: Nâng kế hoạch lợi nhuận từ 40 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng**
Được biết, 6 tháng đầu năm, KDH đạt 40.5 tỷ LNST, hoàn thành kế hoạch năm
Đầu tư Chứng khoán

HNX 18/8/2014

HNXINDEX	83.14	0.91	1.10%
KLGD	77,244,705	CP	
GTGD	927.03	Tỷ	
GTR NDTNN	-	15.52	Tỷ

CP Tăng giá	147	CP
CP Giảm giá	66	CP
CP Đứng giá	166	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	647.00	1.87	0.29%
HNX30	168.77	1.91	1.14%

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,079,133	15.1	3.4	19.9%	10.9%
HNX	133,210	15.4	1.7	8.2%	3.6%
Toàn bộ thị trường	1,212,343	16.9	3.2	18.8%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,197	6.9	0.9	13.9%	9.3%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	17,559	8.8	1.4	15.7%	11.2%	
Thép và sản phẩm thép	38,391	15.9	2.1	21.0%	9.4%	
Khai khoáng	12,042	64.2	5.6	0.4%	0.1%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,448	15.1	1.4	11.9%	7.9%	
Xây dựng	29,950	49.8	1.1	0.5%	2.1%	
Máy công nghiệp	8,326	8.8	1.3	15.0%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,815	8.0	1.5	19.5%	13.9%	
Lốp xe	8,002	9.9	2.8	27.2%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	18,309	10.6	1.8	18.8%	6.8%	
Thực phẩm	204,530	24.9	5.0	21.0%	16.5%	
Dược phẩm	15,719	12.0	3.1	25.2%	16.4%	
Phần mềm	18,347	11.4	2.4	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	23,010	-	5.4	1.2	-11.4%	1.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	222,479	18.2	6.0	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	28,920	23.9	2.5	10.1%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	25,941	14.5	1.5	8.3%	6.3%	
Ngân hàng	238,868	11.0	1.2	10.6%	0.9%	
Bất động sản	152,199	15.6	2.7	19.7%	5.0%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	47,053	10.6	2.3	22.5%	9.4%	

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Xuất khẩu sản phẩm gỗ chuẩn bị đạt ngưỡng

Ngân hàng ở Eurozone dự kiến vay ECB 250 tỷ euro

Dòng vốn rút khỏi thị trường trái phiếu Mỹ tăng kỷ lục

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

BID:Lãi quý 2 bằng nửa cùng kỳ năm trước

KDH: Nâng kế hoạch lợi nhuận từ 40 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng

DXG: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm tăng mạnh so với cùng kỳ

► Tin kinh tế

Ngành công nghiệp chế biến gỗ nước ta đã có bước đột phá trong những năm gần đây, với kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ tăng từ 219 triệu USD năm 2000 lên 3.4 tỷ USD năm 2010. Trong 3 năm qua, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt tương ứng 3.95 tỷ USD; 4.67 tỷ USD và 5.676 tỷ USD. Trong 7 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đã đạt 3.4 tỷ USD, tăng gần 15% so với cùng kỳ năm 2013. Với tốc độ phát triển như hiện nay, trong thời gian tới, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ sẽ sớm đạt mức 10 tỷ USD/năm.

Trong bối cảnh kinh tế khu vực đồng euro tăng trưởng trì trệ, trong tháng 9 và tháng 12 các ngân hàng khu vực này dự kiến vay Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) khoảng 250 tỷ euro với lãi suất thấp và kỳ hạn 4 năm, theo Morgan Stanley. Động thái này nằm trong khuôn khổ chương trình nghiệp vụ tái cấp vốn dài hạn theo mục tiêu (TLTRO) của ECB. Tuy nhiên, một số quan chức đã lên tiếng chỉ trích các ngân hàng từng sử dụng tiền từ chương trình LTRO để kinh doanh chênh lệch lãi suất (carry trade) - đầu tư các khoản vay chi phí thấp vào trái phiếu chính phủ lợi suất cao - hơn là dành cho hoạt động cho vay.

Bộ Tài chính Mỹ cho biết, tháng 6, giới đầu tư đã rút ròng 153.5 tỷ USD ra khỏi các quỹ trái phiếu và tín phiếu ngắn hạn của Mỹ, sau khi đã bơm 33.1 tỷ USD trong tháng trước đó. Cụ thể, giới đầu tư tư nhân đã bán ròng 40.8 tỷ USD trái phiếu và tín phiếu kho bạc Mỹ trong tháng 6, ghi nhận lượng bán lớn chưa từng thấy. Nguyên nhân được cho là Trung Quốc và Nhật Bản giảm nắm giữ Trái phiếu kho bạc trong khi giới đầu tư tư nhân nước ngoài tăng cường bán trái phiếu.

► Tin doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID) báo cáo thu nhập lãi thuần trong quý 2/2014 đạt gần 4,165 tỷ đồng, tăng 20% so với quý 2/2013. Hoạt động dịch vụ cũng tăng 9% với lãi 770 tỷ đồng. Lãi từ hoạt động khác tăng 68% lên 378 tỷ đồng. Tuy nhiên, chi phí hoạt động của ngân hàng cũng tăng mạnh 51% lên gần 2,680 tỷ đồng. Còn chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng hơn 20% lên mức 2,183 tỷ đồng. Do đó, lãi ròng quý 2 của BIDV giảm phân nửa so với cùng kỳ năm trước và còn 418 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, lợi nhuận trước thuế của BIDV đạt hơn 2,490 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước và tương đương 42% kế hoạch năm (6,000 tỷ đồng). Lãi ròng của ngân hàng giảm nhẹ xuống 1,955 tỷ đồng.

Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh nhà Khang Điền (HOSE: KDH) vừa công bố thông tin điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận 2014. Sau 6 tháng đầu năm, KDH đạt 81.8 tỷ đồng doanh thu thuần và 40.5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, trong khi cùng kỳ lỗ ròng tới 58 tỷ đồng. Với kết quả này, KDH cũng đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận cả năm 2014 đã đề ra. Vì vậy, KDH dự kiến sẽ điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận năm 2014 từ 40 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong một thông báo khác, Công ty TNHH Tư vấn đầu tư quản lý Tầm Nhìn Mới đã bán tổng cộng hơn 2 triệu cổ phiếu KDH. Sau giao dịch này, Tầm Nhìn Mới đã giảm sở hữu từ 6,459,548 đơn vị, tỷ lệ 8.61% vốn, xuống còn 4,290,818 đơn vị, chiếm 5.72% vốn. Với giá cổ phiếu KDH dao động từ 20,100 - 20,200 đồng/cổ phiếu trong thời gian diễn ra giao dịch, ước tính KDH thu về khoảng 44 tỷ đồng.

Kết thúc Q2/2014, tổng doanh thu hợp nhất lũy kế của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (HOSE: DXG) tập đoàn tăng 11.8% khi đạt 210 tỷ đồng. Trong đó hoạt động dịch vụ, đầu tư mua sỉ bán lẻ chiếm 57%, 43% từ hoạt động xây dựng và đầu tư BĐS. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn tập đoàn ở Q2/2014 đạt 44.8 tỷ đồng, tăng 116% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014 đạt 66.9 tỷ đồng, tăng 225% so với lợi nhuận lũy kế cùng kỳ. Được biết, trong 6 tháng đầu 2014, DXG đã nhận chuyển nhượng 02 dự án, trong đó: Dự án Căn hộ chung cư Riverside Garden, Quận Thủ Đức và Dự án khu nhà ở tại Phường Phước Long A, Quận 9.

HOSE 18/08/2014 VNINDEX 605.08 0.84 0.14% 139,413,025 CP 3,939.35 bil VND

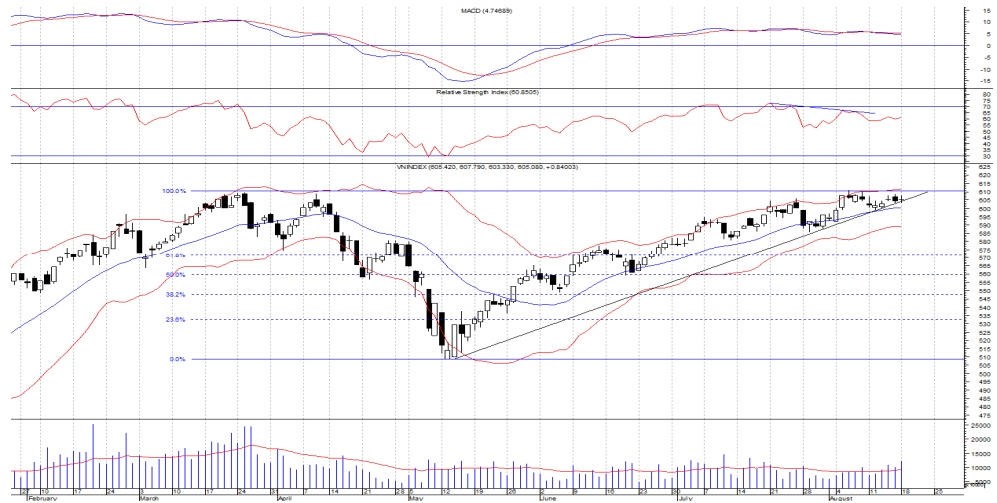
CP bluechip vẫn đang tìm chân VNINDEX trước ngưỡng cản mạnh

VN-Index tăng nhẹ 0.84 điểm lên 605.08 điểm, một cây nến doji đi ngang ở gần ngưỡng kháng cự cho thấy xu hướng vẫn chưa rõ ràng.

- MACD vẫn đang trong vùng bán ra, tuy vậy thời gian vừa qua tín hiệu khá nhiều.

- RSI (14) đạt 60.2 điểm, Stochastic Oscillator đang tăng lên tích cực.

- VNINDEX đang ở sát vùng kháng cự và đang gặp khó khăn để vượt ngưỡng này khi các cổ phiếu vốn hóa lớn chưa đồng thuận tăng điểm. Các cổ phiếu phân hóa mạnh, việc lựa chọn cổ phiếu đầu tư là quan trọng.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.8%)	18,965,880
SSI	1.2 (4.5%)	7,017,230
ITA	0 (0.0%)	5,311,410
OGC	0.1 (0.9%)	4,752,010
PTL	0.1 (2.9%)	4,268,580

HOSE Top 5 theo % tăng

DQC	2.9 (7.0%)	90,980
FDC	1.4 (7.0%)	5,890
KMR	0.5 (6.8%)	2,210,470
TIX	1.4 (6.7%)	260
JVC	0.9 (6.6%)	1,308,020

HOSE Top 5 theo % giảm

LGC	-12 (-31.6%)	330
SFI	-2.3 (-7.0%)	45,640
SVI	-2.7 (-6.9%)	410
EMC	-0.4 (-6.8%)	50
SII	-1.2 (-6.7%)	5,030

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PET	12,9 tỷ	612,480
SAM	5,5 tỷ	471,720
DRC	4,9 tỷ	89,770
CSM	4,6 tỷ	103,320
VCB	3,2 tỷ	125,180

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-11,5 tỷ	172,400
GAS	-10,7 tỷ	93,840
PPC	-10,2 tỷ	497,400
MSN	-8,5 tỷ	101,820
HAG	-7,9 tỷ	310,850

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-744,260	35.49

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index linh xing tăng nhẹ trong cả phiên nhưng mức tăng không lớn khi CP Bluechip không đồng thuận tăng điểm.
- ▶ Thanh khoản tăng mạnh đạt 123 triệu cổ phiếu cho thấy dòng tiền vào khá tích cực và đang gia tăng trong những phiên gần đây.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng 35 tỷ đồng, mức bán ròng giảm so với những phiên trước. VNM giao dịch thỏa thuận nội khối hơn 1,855 tỷ đồng.
- ▶ VN-INDEX nhiều khả năng tiếp tục tích lũy trước ngưỡng cản mạnh, dòng tiền sẽ phân hóa do đó việc lựa chọn cổ phiếu đầu tư là rất quan trọng.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua vào cổ phiếu cơ bản tốt nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	114.0	216,030.00	18.7	6.1	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	115.0	115,013.85	18.8	6.2	34.1%	27.1%
VIC	929.6	78.0	72,511.80	15.2	4.1	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	25.8	68,757.52	15.0	1.6	10.6%	1.0%
MSN	734.9	83.0	60,997.64	-1,501.0	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.7	1.2	12.4%	0.7%
BVH	680.5	42.5	28,920.04	23.9	2.5	10.1%	2.1%
PVD	275.5	100.0	27,549.22	11.7	2.5	22.7%	10.7%
HPG	481.9	56.5	27,227.81	9.7	2.6	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	15.6	3,991.38	18.3	1.4	NA	TH.DOI
FPT	343.9	52.5	18,054.45	11.3	2.4	NA	TH.DOI
CII	112.9	22.2	2,505.53	17.5	1.6	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	5.0	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.5	593.61	2.4	0.9	NA	TH.DOI

HNX 18/08/2014 HNX-Index 83.14 0.91 1.10% 77,244,705 CP 927.03 bil. VND

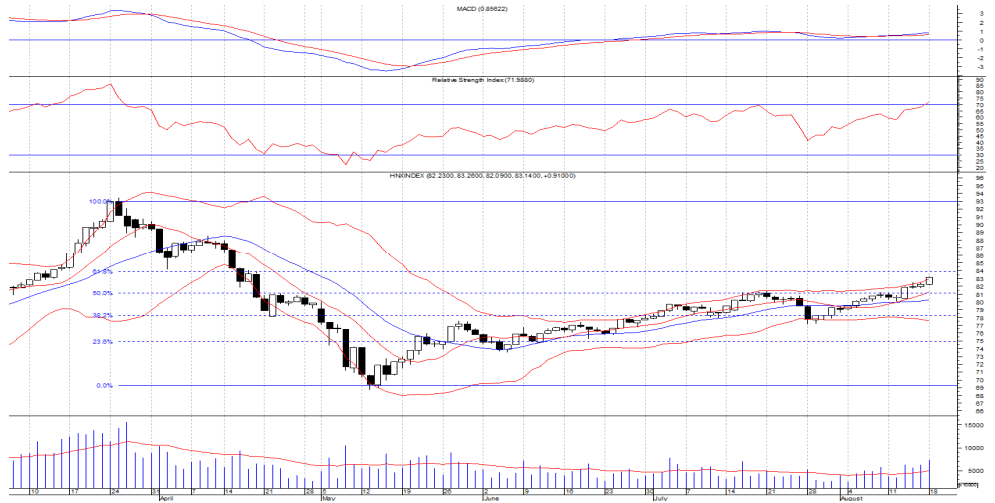
Dòng tiền vào mạnh tiếp tục kéo HNX-Index tăng điểm.

HNX-Index tăng 0.91 điểm lên 83.14 điểm, lực cầu vào tích cực các cổ phiếu dòng dầu khí và chứng khoán kéo thị trường tăng khá mạnh.

- MACD vẫn đang trong vùng mua và đang đi lên ủng hộ xu hướng tăng hiện tại.

- RSI tăng lên gần 72 điểm cho thấy lực tăng khá mạnh và thị trường đang đi vào vùng quá mua.

- HNXINDEX có thể tiếp tục đi lên khi dòng tiền đang tích cực vào. Ngưỡng kháng cự của HNXINDEX là vùng 84 điểm trùng với Fibonacci 61.8%.



HNX Top 5

theo KLGD

PVX	-0.3 (-6.0%)	10,903,280
SCR	0.2 (2.0%)	6,649,870
KLF	0 (0.0%)	5,356,110
KLS	0.2 (1.7%)	5,038,050
SHS	0.3 (3.3%)	4,567,170

HNX Top 5

theo % tăng

SDN	2.7 (10.0%)	2,300
HTP	0.7 (9.9%)	2,100
VMC	1.7 (9.8%)	1,600
SGC	3.1 (9.8%)	1,100
PVE	1.1 (9.7%)	724,290

HNX Top 5

theo % giảm

VC1	-2.3 (-10.0%)	700
VTC	-0.6 (-9.8%)	800
CCM	-2 (-9.8%)	100
API	-1 (-9.5%)	2,500
ALT	-1.3 (-9.4%)	500

HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

VND	1,2 tỷ	80,000
HGM	0,5 tỷ	10,000
LTC	0,3 tỷ	35,800
HMH	0,3 tỷ	11,100
VNF	0,1 tỷ	3,900

HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

PVS	-9,2 tỷ	247,700
PGS	-3,6 tỷ	106,500
KLF	-2,7 tỷ	211,300
PVE	-1,1 tỷ	90,000
SDT	-1,1 tỷ	73,300

GD NDTNN

KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-652,200 - 15.52

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index tăng nhẹ đầu phiên và dần đi lên nhờ dòng tiền tích cực vào nhóm cổ phiếu dầu khí, sau đó lan sang nhóm cổ phiếu chứng khoán và BĐS.
- ▶ Thanh khoản gia tăng là dấu hiệu tích cực cho thấy dòng tiền đang vào tốt. Có 73.8 triệu cổ phiếu được giao dịch tăng 16% so với KLGD phiên trước.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 15 tỷ đồng khi mua vào 10 tỷ và bán ra 25 tỷ trên HNX. PVS, PGS và KLF là cổ phiếu bị bán mạnh nhất.
- ▶ HNXINDEX nhiều khả năng tiếp tục tăng điểm, tuy vậy dòng tiền sẽ phân hóa do đó việc lựa chọn cổ phiếu đầu tư là rất quan trọng.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua vào cổ phiếu cơ bản tốt nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	37.5	16,751.27	9.5	2.0	21.5%	7.1%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	20.8	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	161.7	7.4	-4.1%	-3.2%
SHB	886.1	9.0	7,974.75	9.3	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.2	6,272.29	11.1	1.1	10.2%	2.4%
OCH	200.0	25.7	5,140.00	9.4	2.6	-25.2%	-13.6%
PVI	225.2	18.7	4,210.46	14.5	0.7	4.7%	1.9%
LAS	77.8	34.8	2,708.55	7.0	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	47.0	2,647.95	7.1	2.0	22.9%	15.2%
VNR	131.1	20.0	2,621.52	8.4	1.0	12.7%	5.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	34.0	1,292.00	8.6	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	21.3	421.74	7.7	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.0	1,599.98	14.7	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	47.0	2,647.95	7.1	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	28.6	1,430.00	8.3	1.6	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.3	309.49	6.3	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	60,997.64	13.73%	83.0	#####	4.28	431,981	301,078	205,784
VIC	HOSE	929.6	72,511.80	13.68%	78.0	15.20	4.14	1,390,362	999,588	533,995
HPG	HOSE	481.9	27,227.81	13.62%	56.5	9.73	2.56	640,939	648,056	735,108
PVD	HOSE	275.5	27,549.22	9.64%	100.0	11.73	2.49	351,497	336,118	336,167
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	8.07%	25.4	15.59	1.34	2,675,215	2,452,192	2,401,153
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	7.65%	19.2	7.96	1.28	283,771	247,991	1,370,887
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	6.07%	25.8	14.95	1.55	223,970	190,782	364,935
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	5.32%	29.7	8.85	1.25	837,167	819,867	876,894
ITA	HOSE	718.9	5,823.14	3.07%	8.1	57.94	0.74	3,892,547	3,408,676	4,494,544
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	2.45%	42.5	23.88	2.48	115,633	153,513	193,143
KBC	HOSE	389.8	4,287.36	2.33%	11.0	18.77	0.84	1,322,778	1,039,907	1,110,613
HSG	HOSE	96.3	4,045.15	2.28%	42.0	12.52	1.72	93,216	105,776	105,427
GMD	HOSE	116.1	4,390.02	1.97%	37.8	7.46	0.90	317,963	205,517	214,139
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.58%	14.6	14.22	1.12	777,337	575,919	517,267
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	1.47%	20.4	12.88	1.29	710,337	596,542	464,117
CSM	HOSE	67.3	2,987.76	1.45%	44.4	8.27	2.16	211,577	216,151	366,335
DRC	HOSE	83.1	4,527.52	1.34%	54.5	12.19	3.31	164,987	165,991	216,160
HVG	HOSE	132.0	2,943.60	1.24%	22.3	24.90	1.26	898,364	841,694	669,966
PVT	HOSE	255.9	3,991.38	1.16%	15.6	18.28	1.36	2,285,856	1,732,243	1,394,272
DIG	HOSE	143.0	2,302.23	1.06%	16.1	68.02	0.97	316,357	197,202	191,869
OGC	HOSE	300.0	3,540.00	0.82%	11.8	52.09	1.10	2,095,256	1,405,959	1,358,189

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	7.67%	19.2	7.96	1.28	283,771	247,991	1,370,887
MSN	HOSE	734.9	60,997.64	7.43%	83.0	#####	4.28	431,981	301,078	205,784
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	7.31%	25.8	14.95	1.55	223,970	190,782	364,935
VIC	HOSE	929.6	72,511.80	6.29%	78.0	15.20	4.14	1,390,362	999,588	533,995
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	5.63%	29.7	8.85	1.25	837,167	819,867	876,894
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	5.63%	42.5	23.88	2.48	115,633	153,513	193,143
PVS	HNX	446.7	16,751.27	5.50%	37.5	9.51	2.01	3,161,566	2,823,860	2,367,530
PVD	HOSE	275.5	27,549.22	3.79%	100.0	11.73	2.49	351,497	336,118	336,167
ITA	HOSE	718.9	5,823.14	3.48%	8.1	57.94	0.74	3,892,547	3,408,676	4,494,544
SHB	HNX	886.1	7,974.75	3.36%	9.0	9.33	0.74	2,009,473	2,335,161	4,927,617
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	3.27%	25.4	15.59	1.34	2,675,215	2,452,192	2,401,153
VCG	HNX	441.7	6,272.29	3.21%	14.2	11.11	1.11	559,918	624,381	1,170,040
OGC	HOSE	300.0	3,540.00	2.07%	11.8	52.09	1.10	2,095,256	1,405,959	1,358,189
DRC	HOSE	83.1	4,527.52	1.52%	54.5	12.19	3.31	164,987	165,991	216,160
GMD	HOSE	116.1	4,390.02	1.49%	37.8	7.46	0.90	317,963	205,517	214,139
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	1.32%	20.4	12.88	1.29	710,337	596,542	464,117
PVT	HOSE	255.9	3,991.38	1.16%	15.6	18.28	1.36	2,285,856	1,732,243	1,394,272
PVX	HNX	400.0	1,880.00	0.00%	4.7	- 1.57	2.17	8,978,532	6,905,429	6,605,668

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	929.6	72,511.80	0.00%	78.0	15.20	4.14	1,390,362	999,588	533,995
MSN	HOSE	734.9	60,997.64	0.00%	83.0	#####	4.28	431,981	301,078	205,784
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	0.00%	29.7	8.85	1.25	837,167	819,867	876,894
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	0.00%	25.4	15.59	1.34	2,675,215	2,452,192	2,401,153
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	0.00%	25.8	14.95	1.55	223,970	190,782	364,935
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.00%	19.2	7.96	1.28	283,771	247,991	1,370,887
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	0.00%	42.5	23.88	2.48	115,633	153,513	193,143
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.26	1.01	226,966	234,374	274,284
GAS	HOSE	1,895.0	216,030.00	0.00%	114.0	18.67	6.11	322,766	282,251	320,794

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	60,997.64	0.88%	83.0	#####	4.28	431,981	301,078	205,784
VIC	HOSE	929.6	72,511.80	0.56%	78.0	15.20	4.14	1,390,362	999,588	533,995
STB	HOSE	1,142.5	21,936.22	0.31%	19.2	7.96	1.28	283,771	247,991	1,370,887
VCB	HOSE	2,665.0	68,757.52	0.24%	25.8	14.95	1.55	223,970	190,782	364,935
DPM	HOSE	379.9	11,284.05	0.15%	29.7	8.85	1.25	837,167	819,867	876,894
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	0.08%	42.5	23.88	2.48	115,633	153,513	193,143

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,197	6.9	0.9	13.9%	9.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	17,559	8.8	1.4	15.7%	11.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,842	21.4	1.0	4.0%	1.7%
Sản xuất giấy	788	6.9	0.8	12.4%	6.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,391	15.9	2.1	21.0%	9.4%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,818	3.2	0.9	24.1%	5.2%
Khai khoáng	12,042	64.2	5.6	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,448	15.1	1.4	11.9%	7.9%
Xây dựng	29,950	49.8	1.1	0.5%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,122	7.9	1.2	16.6%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	828	6.8	1.6	13.6%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,296	6.4	0.9	14.1%	6.2%
Thiết bị điện	1,854	17.2	1.1	0.8%	-0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	13.6	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,326	8.8	1.3	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,923	3.1	1.1	3.9%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,815	8.0	1.5	19.5%	13.9%
Dịch vụ vận tải	5,873	7.6	1.5	19.0%	11.7%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,838	11.1	1.5	13.1%	5.0%
Đào tạo & Việc làm	230	10.9	0.7	7.9%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	178	8.3	0.8	10.6%	4.5%
Chất thải & Môi trường	176	2.7	0.8	34.2%	16.4%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,010	17.1	1.2	11.9%	6.5%
Lốp xe	8,002	9.9	2.8	27.2%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,401	7.0	1.2	15.8%	8.7%
Vang & Rượu mạnh	310	13.3	1.4	17.7%	11.4%
Đồ uống & giải khát	215	6.2	1.1	14.3%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	18,309	10.6	1.8	18.8%	6.8%
Thực phẩm	204,530	24.9	5.0	21.0%	16.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	54	14.7	0.7	4.6%	3.5%
Thiết bị gia dụng	2,352	8.1	1.1	14.2%	6.9%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	644	50.8	1.6	2.4%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,215	8.5	1.5	17.9%	7.2%
Giày dép	6	0.9	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,019	9.5	1.7	17.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	716	8.0	1.1	-1.8%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		906	16.6	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		152	3.1	1.7	38.0%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		150	6.9	0.9	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,719	12.0	3.1	25.2%	16.4%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		252	47.4	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		651	10.1	1.0	12.8%	7.5%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,721	10.0	1.7	17.0%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,079	9.4	1.0	10.4%	7.3%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,766	10.9	2.6	-22.0%	-11.7%
Dịch vụ giải trí		2,355	58.0	1.3	14.1%	12.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,393	18.1	2.8	22.3%	19.4%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		65	15.2	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		594	24.9	0.8	3.1%	1.1%
Internet		370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm		18,347	11.4	2.4	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		441	15.0	0.8	4.4%	1.7%
Thiết bị văn phòng		282	4.8	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		11,596	29.8	6.9	33.7%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		23,010	5.4	1.2	-11.4%	1.5%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		222,479	18.2	6.0	33.1%	22.7%
Nước		1,326	7.1	1.2	16.9%	11.4%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,140	6.6	0.8	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,516	11.4	0.7	6.3%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,622	8.3	1.0	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,920	23.9	2.5	10.1%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,540	52.1	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		25,941	14.5	1.5	8.3%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		238,868	11.0	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		152,199	15.6	2.7	19.7%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	2.1	0.6	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		47,053	10.6	2.3	22.5%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.